

## BGRAMMAR IÔN TẬP SO SÁNH VỚI TÍNH TỪ VÀ TRẠNG TỪ (COMPARISON OF ADJECTIVES AND ADVERBS)

### 1. So sánh hơn với tính từ (Comparative forms of adjectives)

Ta sử dụng so sánh hơn của tính từ để so sánh giữa người (hoặc vật) này với người (hoặc vật) khác. Trong câu so sánh hơn, tính từ sẽ được chia làm hai loại là tính từ dài và tính từ ngắn, trong đó.

- Tính từ ngắn là những tính từ có 1 âm tiết. **Ví dụ:** tall, high, big,...
- Tính từ dài là những tính từ có từ 2 âm tiết trở lên. **Ví dụ:** expensive, intelligent,...

#### Cấu trúc câu so sánh hơn với tính từ

Đối với tính từ ngắn	Đối với tính từ dài
S1 + to be + <b>adj</b> + <b>er</b> + <b>than</b> + S2	S1 + to be + more + <b>adj</b> + <b>than</b> + S2
Với tính từ ngắn, thêm “ <b>er</b> ” vào sau tính từ	Với tính từ dài, thêm “ <b>more</b> ” trước tính từ
<b>Ví dụ:</b> China is <b>bigger than</b> India. (Trung Quốc lớn hơn Ấn Độ.) Lan is <b>shorter than</b> Nam. (Lan thì thấp hơn Nam.) My house is <b>bigger than</b> your house. (Nhà của tôi to hơn nhà của bạn) His pen is <b>newer than</b> my pen. (Bút của anh ấy mới hơn bút của tôi)	<b>Ví dụ:</b> Gold is <b>more valuable than</b> silver. (Vàng có giá trị hơn bạc) Hanh is <b>more beautiful than</b> Hoa. (Hạnh thì xinh hơn Hoa.) Your book is <b>more expensive than</b> his book. (Quyển sách của bạn đắt hơn quyển sách của anh ấy.) Exercise 1 is <b>more difficult than</b> exercise 2. (Bài tập số 1 khó hơn bài tập số 2.)
Để nhấn mạnh ý trong câu so sánh hơn, ta thêm “ <b>much/a lot/ a bit/a little/far</b> ” vào sau hình thức so sánh. <b>Ví dụ:</b> A DVD is <b>much better than</b> a video for watching films. (Xem phim bằng đĩa DVD thì tốt hơn nhiều so với băng video). Her boyfriend is <b>much/far older than</b> her. (Bạn trai của cô ấy lớn tuổi hơn cô ấy rất nhiều.)	

### 2. So sánh hơn với trạng từ (Comparative forms of adverbs)

Tương tự như tính từ, trạng từ cũng được chia thành 2 loại:

- Trạng từ ngắn là những từ có 1 âm tiết. **Ví dụ:** hard, fast, near, far, right, wrong,...



- Trạng từ dài là những từ có từ 2 âm tiết trở lên. **Ví dụ:** slowly, responsibly, quickly, interestingly, tiredly,...

#### Cấu trúc câu so sánh hơn với trạng từ

Đối với trạng từ ngắn	Đối với trạng từ dài
S1 + V + <b>adv+ er</b> + <b>than</b> + S2	S1+ V+ more/less+ <b>adv+ than</b> + S2
Với trạng từ ngắn, thường là trạng từ chỉ cách thức có hình thức giống tính từ, ta thêm đuôi “ <b>er</b> ” vào sau trạng từ.	- Với trạng từ dài, hầu hết là các trạng từ chỉ cách thức có đuôi “ <b>-ly</b> ” ta thêm “ <b>more</b> ” (nhiều hơn) hoặc “ <b>less</b> ” (ít hơn) vào trước trạng từ. - “ <b>Less</b> ” là từ phản nghĩa của “ <b>more</b> ”, được dùng để diễn đạt sự không bằng nhau ở mức độ ít hơn.
<b>Ví dụ:</b> They work <b>harder</b> than I do. (Họ làm việc <b>chăm chỉ</b> hơn tôi.) She runs <b>faster</b> than he does. (Cô ấy chạy <b>nhANH</b> hơn anh ấy.) My mother gets up <b>earlier</b> than me. (Mẹ tôi thức dậy <b>sớm</b> hơn tôi.) I go to school <b>later</b> than my friends do. (Tôi đi học <b>muộn</b> hơn các bạn.)	<b>Ví dụ:</b> My friend did the test <b>more carefully</b> than I did. (Bạn tôi làm bài kiểm tra <b>cẩn thận</b> hơn tôi.) My father talks <b>more slowly</b> than my mother does. (Bố tôi nói <b>chậm</b> hơn mẹ tôi.) Hanh acts <b>less responsibly</b> than anyone here. (Hạnh hành động <b>thiếu trách nhiệm</b> hơn bất cứ ai ở đây.)

#### 3. So sánh nhất với tính từ (Superlative of adjectives)

Ta sử dụng so sánh nhất để so sánh người (hoặc vật) với tất cả người (hoặc vật) trong nhóm.

#### Cấu trúc câu so sánh nhất với tính từ

Đối với tính từ ngắn	Đối với tính từ dài
S1 + to be + <b>the +adj + -est</b> + (Danh từ)	S1 + to be + <b>the most +adj</b> + (Danh từ)
<b>Ví dụ:</b> Russia is the <b>biggest</b> country in the world. (Nga là <b>đất nước lớn nhất</b> trên thế giới) My school is the <b>biggest</b> in the city. (Trường của tôi <b>lớn nhất</b> trong thành phố.) My father is the <b>oldest</b> person in my family. (Bố tôi là <b>người lớn tuổi nhất</b> trong nhà.) Quang is the <b>tallest</b> in his class. (Quang là <b>người cao nhất</b> trong lớp của anh ấy.)	<b>Ví dụ:</b> This exercise is the <b>most difficult</b> . (Bài tập này là <b>khó nhất</b> .) This is the <b>most interesting</b> film I've ever seen. (Đây là <b>bộ phim hay nhất</b> tôi từng xem.) Ngoc is the <b>most intelligent</b> student. (Ngọc là <b>học sinh thông minh nhất</b> .)



Để nhấn mạnh ý trong câu so sánh hơn, ta thêm "by far" vào sau hình thức so sánh hoặc có thể dùng *second, third...*

**Ví dụ:**

He is the smartest by far.

(Anh ấy thông minh nhất, hơn mọi người nhiều.)

Huong is the second tallest person in my class.

(Hương là người cao thứ 2 trong lớp tôi.)

### ✓ BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

**Bài 1:** Cho dạng so sánh hơn của các tính từ hoặc trạng từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau:

1. Urban sprawl has happened (fast) \_\_\_\_\_ than ever before.
2. Ha Noi is much (populous) \_\_\_\_\_ than my hometown.
3. The city center is (densely) \_\_\_\_\_ populated than the suburbs.
4. You can count on Peter. He is (reliable) \_\_\_\_\_ than he appears to be.
5. This Singer performs (well) \_\_\_\_\_ than she used to be three years ago.
6. This year we travel (far) \_\_\_\_\_ than we did last year.
7. I noticed that today my daughter looked (happy) \_\_\_\_\_ than usual.
8. As people get old, they try to maintain a (healthy) \_\_\_\_\_ lifestyle than when they are young.
9. Travelling by bus is much (slow) \_\_\_\_\_ than travelling by bullet train.
10. Jim didn't feel well today, so he performed (badly) \_\_\_\_\_ than usual.
11. You are (good) \_\_\_\_\_ than me when it comes to public speaking.
12. He seems to be (familiar) \_\_\_\_\_ with this neighborhood than anyone else here.
13. Listen! Today Jim sings (beautifully) \_\_\_\_\_ than any other day.
14. The air in the city is (polluted) \_\_\_\_\_ than that in the countryside.
15. I think a computer will be (helpful) \_\_\_\_\_ for you than a smartphone.

### **Bài 2:** Khoanh tròn đáp án đúng.

1. Jim boasted that he could run (faster/ fastlier) than anyone else in his class.
2. Her presentation is (poorer/more poorly) prepared than I expected.
3. Jim seems to care (littler/ less) about his health than he should.
4. If you had tried (harder/ more hardly), you would have passed the test.
5. Today the sun shines (brighter/ more brightly) than yesterday.
6. Snow storm in my hometown is (more severe/ more severely) than anywhere else in the country.
7. I think you could reach a (higher/ more highly) position in the company if you tried.
8. If you behaved (cleverer/ more cleverly), they would look up to you..